

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THANH HÓA TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Trương Hoàng Linh
Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa

Tóm tắt: Nghiên cứu đánh giá thực trạng quản lý hoạt động dạy học tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa. Khảo sát được thực hiện với 159 cán bộ quản lý và giảng viên bằng bảng hỏi, kết hợp phỏng vấn và quan sát; dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả. Kết quả cho thấy sáu nội dung quản lý đều được đánh giá ở mức khá; quản lý thực hiện mục tiêu dạy học có điểm trung bình cao nhất (2,81), trong khi quản lý đổi mới phương pháp dạy học thấp nhất (2,62). Những hạn chế nổi bật tập trung ở việc sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến, sự tham gia của doanh nghiệp trong rà soát chương trình, đánh giá hiệu quả đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, cùng công tác đánh giá hiện trạng và bảo trì thiết bị. Kết quả là cơ sở thực tiễn để hoàn thiện quản lý hoạt động dạy học theo hướng gắn với chuẩn đầu ra, tăng cường phản hồi và liên kết nhà trường - doanh nghiệp.

Từ khóa: quản lý hoạt động dạy học; giáo dục nghề nghiệp; trường cao đẳng; chuẩn đầu ra; đổi mới dạy học.

THE CURRENT STATUS OF TEACHING ACTIVITY MANAGEMENT AT THANH HOA COLLEGE OF INDUSTRY

Abstract: This study assesses the current status of teaching activity management at Thanh Hoa College of Industry. A survey of 159 administrators and lecturers was conducted using questionnaires, supplemented by interviews and observations; the data were analyzed with descriptive statistics. The findings indicate that all six management areas were rated at a fairly good level. The management of teaching-objective implementation received the highest mean score (2.81), whereas the management of teaching-method innovation received the lowest (2.62). Major limitations concern the use of assessment results for improvement, enterprise participation in curriculum review, evaluation of teaching-method and organizational-form innovation, and the assessment and maintenance of training equipment. The findings provide an empirical basis for improving teaching activity management in alignment with learning outcomes, feedback mechanisms, and school-enterprise collaboration.

Keywords: teaching activity management; vocational education; college; learning outcomes; teaching innovation.

Nhận bài: 15/09/2026

Phản biện: 15/10/2026

Duyệt đăng: 19/10/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển của khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và những thay đổi của thị trường lao động đang làm gia tăng yêu cầu đối với chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Ở trình độ cao đẳng, quá trình đào tạo không chỉ hướng tới trang bị kiến thức và kỹ năng nghề mà còn phải hình thành năng lực thực hiện nhiệm vụ nghề nghiệp, khả năng tự học, thích ứng với công nghệ và môi trường làm việc. Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025 tiếp tục tạo khuôn khổ pháp lý cho tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó chất lượng đào tạo và khả năng đáp ứng nhu cầu nhân lực là những yêu cầu có ý nghĩa trực tiếp đối với hoạt động của nhà trường.

Hoạt động dạy học là hoạt động trung tâm của quá trình đào tạo; do đó, quản lý hoạt động dạy học có vai trò trực tiếp trong việc bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình và chuẩn đầu ra. Xét theo chức năng quản lý, hiệu quả không chỉ phụ thuộc vào việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện mà còn gắn với chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh. Đối với cơ sở giáo dục nghề

nghiệp, các khâu này cần được triển khai đồng bộ đối với mục tiêu dạy học, chương trình và nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, cơ sở vật chất - thiết bị và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; đồng thời gắn với yêu cầu của vị trí việc làm và thực tiễn nghề nghiệp.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa được thành lập ngày 16/9/2021 theo Quyết định số 1035/QĐ-LĐTBXH, trên cơ sở sáp nhập ba cơ sở đào tạo. Quá trình sáp nhập tạo điều kiện tập trung nguồn lực nhưng đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, thống nhất tổ chức đào tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Trong bối cảnh đó, việc nhận diện chính xác những nội dung quản lý đã thực hiện tốt, những khâu còn hạn chế và mối liên hệ giữa các thành tố quản lý là cần thiết.

Nghiên cứu này tập trung đánh giá thực trạng quản lý hoạt động dạy học tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa theo sáu nội dung quản lý chủ yếu; từ đó xác định các vấn đề cần ưu tiên trong quá trình hoàn thiện quản lý hoạt động dạy học và nâng cao chất lượng đào tạo.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận về quản lý dạy học ở trường cao đẳng

Quản lý hoạt động dạy học ở trường cao đẳng được hiểu là quá trình chủ thể quản lý thực hiện các tác động có mục đích, có kế hoạch và có tổ chức đến hoạt động dạy của giảng viên, hoạt động học của sinh viên và các điều kiện bảo đảm dạy học nhằm thực hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Đặc thù của giáo dục nghề nghiệp đòi hỏi quản lý hoạt động dạy học phải gắn quá trình đào tạo với yêu cầu nghề nghiệp và thị trường lao động. Vì vậy, đánh giá quản lý không chỉ xem xét mức độ tuân thủ chương trình và tiến độ mà còn cần chú ý khả năng cập nhật nội dung, đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức, khai thác thiết bị thực hành, phối hợp với doanh nghiệp và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu sử dụng sáu nhóm nội dung làm khung phân tích: (1) quản lý thực hiện mục tiêu dạy học; (2) quản lý chương trình đào tạo và nội dung dạy học; (3) quản lý đổi mới phương pháp dạy học; (4) quản lý đổi mới hình thức tổ chức dạy học; (5) quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện bảo đảm dạy học; (6) quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi kết hợp với phỏng vấn và quan sát. Khách thể khảo sát gồm 159 người, trong đó có

39 cán bộ quản lý và 120 giảng viên thuộc 9 khoa chuyên môn của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa. Tổng số phiếu phát ra và thu về là 159 phiếu. Số liệu được hồi cứu trong hai năm học 2024-2025 và 2025-2026.

Bảng hỏi sử dụng thang Likert 4 mức: tốt/rất thường xuyên = 4 điểm; khá/thường xuyên = 3 điểm; trung bình/ít thường xuyên = 2 điểm; yếu/không thường xuyên = 1 điểm. Khoảng điểm được quy ước: 1,00-1,75: yếu; 1,76-2,50: trung bình; 2,51-3,25: khá; 3,26-4,00: tốt. Dữ liệu định lượng được xử lý bằng thống kê mô tả thông qua tần suất, tỷ lệ phần trăm và điểm trung bình (ĐTB). Kết quả phỏng vấn, quan sát được sử dụng để bổ sung và giải thích các xu hướng nổi bật từ khảo sát.

Trong quá trình phân tích, ĐTB được dùng để nhận diện mức độ thực hiện và so sánh tương đối giữa các nội dung quản lý; các kết quả định lượng được đối chiếu với thông tin phỏng vấn, quan sát để hạn chế diễn giải đơn tuyến. Do thiết kế nghiên cứu mang tính mô tả, kết quả phản ánh thực trạng tại đơn vị khảo sát và không được sử dụng để suy luận quan hệ nhân quả.

2.3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả cho thấy cả sáu nội dung quản lý đều đạt mức khá, nhưng mức độ thực hiện giữa các nhóm và giữa các khâu trong từng nhóm chưa đồng đều. Để tránh trùng lặp và làm rõ những phát hiện có ý nghĩa quản lý, Bảng 1 tổng hợp ĐTB của từng nhóm cùng chỉ báo được đánh giá cao nhất và thấp nhất.

Bảng 1. Khái quát kết quả khảo sát quản lý hoạt động dạy học

STT	Nội dung quản lý	ĐTB
1	Quản lý thực hiện mục tiêu dạy học	2,81
2	Quản lý nội dung, chương trình dạy học	2,72
3	Quản lý đổi mới phương pháp dạy học	2,62
4	Quản lý đổi mới hình thức tổ chức dạy học	2,67
5	Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện bảo đảm dạy học	2,68
6	Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên	2,70

Trong sáu nội dung, quản lý thực hiện mục tiêu dạy học có ĐTB cao nhất (2,81), trong khi quản lý đổi mới phương pháp dạy học có ĐTB thấp nhất (2,62). Kết quả cho thấy công tác quản lý hoạt động dạy học đã được triển khai trên các nội dung cơ bản, song mức độ thực hiện chưa đồng đều. Ở nhiều nhóm nội dung, các khâu lập kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo thực hiện có kết quả đánh giá cao

hơn các khâu theo dõi, kiểm tra, đánh giá và cải tiến sau thực hiện.

2.3.1. Quản lý thực hiện mục tiêu dạy học

Quản lý thực hiện mục tiêu dạy học có ĐTB 2,81, cao nhất trong sáu nhóm. Nội dung “Cụ thể hóa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thành mục tiêu môn học, mô-đun” đạt 3,05; tiếp theo là lập kế hoạch thực hiện mục tiêu (2,98)

và chỉ đạo thực hiện mục tiêu theo chương trình đào tạo (2,90). Kết quả cho thấy nhà trường đã quan tâm chuyển chuẩn đầu ra của chương trình thành yêu cầu cụ thể ở cấp môn học, mô-đun, qua đó tạo căn cứ cho tổ chức dạy học.

Tuy nhiên, các khâu kiểm soát và cải tiến có mức đánh giá thấp hơn: theo dõi việc thực hiện mục tiêu đạt 2,72, kiểm tra đạt 2,62 và cải tiến trên cơ sở kết quả đánh giá chỉ đạt 2,56. Phòng vấn cán bộ quản lý cũng cho thấy việc sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh mục tiêu chưa được thực hiện thường xuyên. Như vậy, điểm hạn chế không nằm ở việc xác định mục tiêu mà chủ yếu ở khả năng khép kín chu trình từ thực hiện đến phản hồi và cải tiến.

2.3.2. Quản lý chương trình đào tạo và nội dung dạy học

Nhóm này đạt ĐTB 2,72. “Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đã ban hành” được đánh giá cao nhất (3,00), tiếp đến là lập kế hoạch thực hiện chương trình (2,95), chỉ đạo thực hiện nội dung môn học, mô-đun (2,85) và theo dõi tiến độ (2,78). Điều này phản ánh năng lực tổ chức thực hiện chương trình hiện hành tương đối ổn định.

Ở chiều ngược lại, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định đạt 2,60, rà soát chương trình và nội dung dạy học theo yêu cầu thực tiễn đạt 2,50, còn phối hợp với doanh nghiệp và các bên liên quan trong rà soát chương trình chỉ đạt 2,38 - thấp nhất trong nhóm và thuộc mức trung bình. Kết quả phỏng vấn cho thấy nhà trường đã có phối hợp với doanh nghiệp nhưng việc lấy ý kiến về nội dung chương trình, yêu cầu kỹ năng nghề và thay đổi công nghệ chưa thường xuyên ở tất cả ngành, nghề. Kết quả này cho thấy cần chuyển trọng tâm từ “thực hiện đúng chương trình” sang “thực hiện và thường xuyên cập nhật chương trình trên cơ sở phản hồi của thị trường lao động”.

2.3.3. Quản lý đổi mới phương pháp dạy học

Quản lý đổi mới phương pháp dạy học đạt ĐTB 2,62, thấp nhất trong sáu nhóm. Nội dung được đánh giá cao nhất là chỉ đạo vận dụng phương pháp phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên (2,78), tiếp theo là bồi dưỡng năng lực vận dụng phương pháp cho giảng viên (2,72) và hướng dẫn lựa chọn, phối hợp phương pháp phù hợp (2,67). Điều này cho thấy chủ trương và hoạt động chỉ đạo đổi mới đã được quan tâm.

Tuy nhiên, theo dõi việc thực hiện đổi mới phương pháp chỉ đạt 2,56, lập kế hoạch đổi mới đạt 2,53 và đánh giá hiệu quả đổi mới đạt 2,48, thuộc mức trung bình. Phòng vấn cán bộ quản lý chuyên môn cho thấy giảng viên đã được định hướng tăng cường thảo luận, thực hành và giải quyết nhiệm vụ học tập, nhưng kết quả khảo sát cho thấy việc xác định tiêu chí và minh chứng để đánh giá tác động của đổi mới chưa rõ. Vì vậy, quản lý đổi mới phương pháp cần chuyển từ yêu cầu “có đổi mới” sang đánh giá “đổi mới tạo ra kết quả gì đối với hoạt động và năng lực của người học”.

2.3.4. Quản lý đổi mới hình thức tổ chức dạy học

Quản lý đổi mới hình thức tổ chức dạy học đạt ĐTB 2,67. Hai nội dung có kết quả cao nhất là tổ chức thực hành, thực tập gắn với môi trường nghề nghiệp (2,85) và phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức thực hành, thực tập (2,78). Đây là điểm tích cực, phù hợp với đặc trưng của đào tạo nghề, nơi năng lực của người học cần được hình thành thông qua thực hành và trải nghiệm trong bối cảnh nghề nghiệp.

Trong khi đó, đánh giá hiệu quả đổi mới hình thức tổ chức dạy học đạt 2,60, kiểm tra việc thực hiện các hình thức tổ chức dạy học đạt 2,58 và lập kế hoạch đổi mới chỉ đạt 2,53. Kết quả cho thấy nhà trường đã tổ chức được các hình thức gắn với thực tiễn nghề nghiệp nhưng công tác quản lý quá trình đổi mới chưa thật sự đồng bộ. Cần gắn lựa chọn hình thức tổ chức với mục tiêu, điều kiện thiết bị, đặc điểm ngành nghề, khả năng tự học của sinh viên và tiêu chí đánh giá hiệu quả cụ thể.

2.3.5. Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện bảo đảm dạy học

Tính từ bảy ĐTB thành phần, nhóm quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện bảo đảm dạy học đạt 2,68, thuộc mức khá. Nội dung khai thác cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ hoạt động dạy học đạt 2,85; bố trí thiết bị phù hợp với kế hoạch dạy học đạt 2,79; bảo đảm hạ tầng công nghệ, học liệu và điều kiện an toàn đạt 2,72. Các kết quả này cho thấy nguồn lực hiện có đã được đưa vào phục vụ đào tạo tương đối tích cực.

Mặt hạn chế thể hiện ở đánh giá hiện trạng và bảo trì cơ sở vật chất, thiết bị, cùng đạt 2,53; kiểm

tra mức độ đáp ứng và hiệu quả sử dụng đạt 2,66. Đối với trường đào tạo nhiều ngành kỹ thuật, hiệu quả quản lý thiết bị không chỉ được đo bằng mức độ đầu tư hay tần suất sử dụng mà còn ở khả năng duy trì trạng thái sẵn sàng, an toàn và phù hợp với chương trình. Vì vậy, cần tăng cường đánh giá vòng đời thiết bị, kế hoạch bảo trì và theo dõi hiệu suất sử dụng như một phần của quản lý chất lượng dạy học.

2.3.6. *Quản lý kết quả học tập của sinh viên*

Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đạt DTB 2,70. Nội dung bảo đảm tính khách quan, công bằng, chính xác và minh bạch được đánh giá cao nhất (2,82); tiếp theo là giám sát quy trình kiểm tra, đánh giá (2,80) và tổ chức kiểm tra, đánh giá theo quy định (2,78). Kết quả cho thấy nhà trường đã chú trọng tính quy trình và các yêu cầu cơ bản của hoạt động đánh giá.

Tuy nhiên, lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá chỉ đạt 2,55 và sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh, cải tiến hoạt động dạy học đạt 2,52. Khoảng cách giữa việc “tổ chức đánh giá” và “khai thác dữ liệu đánh giá để cải tiến” là vấn đề đáng chú ý. Kết quả đánh giá cần được phân tích ở cấp môn học, mô-đun và chương trình để nhận diện nội dung người học chưa đạt, điều chỉnh phương pháp, học liệu và tổ chức dạy học; qua đó biến kiểm tra, đánh giá thành nguồn thông tin phục vụ quản lý chất lượng, thay vì chủ yếu thực hiện chức năng xác nhận kết quả học tập.

2.4. **Thảo luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy một đặc điểm xuyên suốt: các khâu tổ chức và chỉ đạo thực hiện thường được đánh giá cao hơn các khâu theo dõi, kiểm tra, đánh giá và cải tiến. Mô hình này xuất hiện ở quản lý mục tiêu, đổi mới phương pháp, đổi mới hình thức tổ chức và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Xét theo chu trình quản lý, đây là dấu hiệu cho thấy quá trình quản lý đã hình thành tương đối đầy đủ về mặt hoạt động nhưng cơ chế phản hồi và cải tiến chưa tương xứng. Nếu thông tin sau kiểm tra, đánh giá không được phân tích và quay trở lại khâu lập kế hoạch, mục tiêu, nội dung và phương pháp, chu trình quản lý khó tạo ra cải tiến liên tục.

Kết quả cũng cho thấy vai trò của doanh nghiệp thể hiện không đồng đều. Phối hợp với doanh

nh nghiệp trong tổ chức thực hành, thực tập đạt kết quả tương đối tốt, trong khi sự tham gia của doanh nghiệp trong rà soát chương trình lại ở mức thấp. Điều này hàm ý mối quan hệ nhà trường - doanh nghiệp hiện phát huy rõ hơn ở khâu tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp nhưng chưa trở thành nguồn phản hồi thường xuyên cho phát triển chương trình. Đối với giáo dục nghề nghiệp, phản hồi của doanh nghiệp cần được sử dụng có hệ thống để cập nhật chuẩn đầu ra, nội dung, công nghệ, thiết bị và yêu cầu kỹ năng nghề; qua đó tăng tính thích ứng của chương trình đào tạo với vị trí việc làm.

Một vấn đề khác là đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học không thể tách rời năng lực giảng viên và điều kiện bảo đảm. Kết quả thấp ở đánh giá hiệu quả đổi mới phương pháp, lập kế hoạch đổi mới hình thức, đánh giá hiện trạng và bảo trì thiết bị cho thấy đổi mới dạy học cần được quản lý như một hệ thống. Việc yêu cầu giảng viên áp dụng phương pháp mới chỉ có ý nghĩa khi nhà trường đồng thời bảo đảm thiết bị, học liệu, hạ tầng công nghệ, cơ chế bồi dưỡng và tiêu chí đánh giá kết quả đổi mới. Vì vậy, trọng tâm quản lý không chỉ là mở rộng số lượng hoạt động đổi mới mà phải bảo đảm tính phù hợp, khả thi và hiệu quả của đổi mới đối với kết quả học tập và năng lực nghề nghiệp của sinh viên.

Từ góc độ quản lý giáo dục, các phát hiện trên đặt ra yêu cầu hoàn thiện chu trình quản lý theo hướng gắn kết lập kế hoạch - tổ chức thực hiện - theo dõi, kiểm tra - đánh giá - điều chỉnh, cải tiến; đồng thời sử dụng chuẩn đầu ra và yêu cầu vị trí việc làm làm căn cứ xuyên suốt. Việc tăng cường phản hồi từ doanh nghiệp, khai thác dữ liệu kiểm tra, đánh giá và quản lý thiết bị theo vòng đời sẽ giúp các quyết định quản lý dựa nhiều hơn trên minh chứng. Do nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả trên nhóm cán bộ quản lý và giảng viên của một cơ sở đào tạo, kết quả phản ánh thực trạng tại đơn vị nghiên cứu và không được hiểu là bằng chứng về quan hệ nhân quả hay đại diện cho toàn bộ các trường cao đẳng.

III. **KẾT LUẬN**

Nghiên cứu cho thấy quản lý hoạt động dạy học tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa nhìn chung đạt mức khá trên sáu nội dung khảo sát. Những kết quả tích cực tập trung ở cụ thể

hóa mục tiêu và chuẩn đầu ra, tổ chức thực hiện chương trình, chỉ đạo phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của sinh viên, tổ chức thực hành - thực tập gắn với môi trường nghề nghiệp, khai thác thiết bị và bảo đảm tính khách quan, minh bạch trong đánh giá.

Hạn chế nổi bật nằm ở các khâu phản hồi và cải tiến: phối hợp với doanh nghiệp trong rà soát chương trình chưa thường xuyên; đánh giá hiệu quả đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy

học còn hạn chế; đánh giá hiện trạng, bảo trì thiết bị chưa được chú trọng tương xứng; kết quả kiểm tra, đánh giá chưa được khai thác đầy đủ để điều chỉnh hoạt động dạy học. Vì vậy, nhà trường cần hoàn thiện chu trình quản lý theo hướng dựa trên chuẩn đầu ra và minh chứng, tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, gắn đổi mới dạy học với năng lực giảng viên và điều kiện bảo đảm, đồng thời sử dụng kết quả đánh giá như một nguồn thông tin thường xuyên cho cải tiến chất lượng đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2021), Quyết định số 1035/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2021 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa.

Koontz, H. (2004), Những vấn đề cốt yếu của quản lý, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Nguyễn Minh Đạo (1997), Cơ sở của khoa học quản lý, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Quốc hội (2025), Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15, Hà Nội.

Trần Kiểm (2001), Khoa học quản lý nhà trường phổ thông, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.